

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN  
TỈNH AN GIANG**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:**

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): mực nước lên chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước xuống chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 02/8/2025 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-90cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống theo triều. Mực nước cao nhất ngày 02/8/2025 ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-20cm, cao hơn TBNN từ 35-50cm; mực nước thấp nhất đều cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 15-50cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 02/8 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-40cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn xuống nhanh theo triều biển Tây, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 02/8 ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-20cm.

**2. Dự báo, cảnh báo:**

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế biến đổi chậm trong 1-2 ngày đầu, những ngày sau lên lại.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước xuống chậm trong 1-2 ngày đầu, sau đó lên nhanh theo triều biển Đông.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi với xu thế lên chậm trong những ngày tới.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên theo xu thế triều biển Tây trong 5 ngày tới.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

**3. Ghi chú:**

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 04/08/2025**

**Tin phát lúc: 11h30'**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**

**Phan Minh Đạt**

## Phụ lục

### Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

| sông,<br>kênh,<br>rạch | Trạm         | Cấp báo động lũ |      |       | Mực nước thực đo ngày<br>02/08 |                     |             |        |                     |             | Dự báo mực nước cao nhất |      |      |      |      | Dự báo mực nước thấp nhất |      |      |      |      |
|------------------------|--------------|-----------------|------|-------|--------------------------------|---------------------|-------------|--------|---------------------|-------------|--------------------------|------|------|------|------|---------------------------|------|------|------|------|
|                        |              |                 |      |       | Hmin                           |                     |             | Hmax   |                     |             | 03/8                     | 04/8 | 05/8 | 06/8 | 07/8 | 03/8                      | 04/8 | 05/8 | 06/8 | 07/8 |
|                        |              | BĐI             | BĐII | BĐIII | Trị số                         | So với cùng kỳ 2024 | So với TBNN | Trị số | So với cùng kỳ 2024 | So với TBNN |                          |      |      |      |      |                           |      |      |      |      |
| Tiền                   | Tân Châu     | 350             | 400  | 450   | 230                            | 57                  | 24          | 251    | 19                  | 10          | 248                      | 247  | 249  | 253  | 258  | 232                       | 233  | 235  | 238  | 243  |
| Ông Chường             | Chợ Mới      | 200             | 250  | 300   | 143                            | 50                  | 45          | 195    | 0                   | 27          | 189                      | 185  | 184  | 187  | 192  | 145                       | 146  | 148  | 150  | 155  |
| Hậu                    | Khánh An     | 420             | 470  | 520   | 365                            | 39                  | 91          | 371    | 36                  | 80          | 372                      | 374  | 376  | 380  | 384  | 367                       | 368  | 370  | 374  | 379  |
|                        | Châu Đốc     | 300             | 350  | 400   | 176                            | 32                  | 21          | 210    | -10                 | 11          | 207                      | 206  | 209  | 214  | 219  | 178                       | 179  | 181  | 183  | 188  |
|                        | Long Xuyên   | 190             | 220  | 250   | 92                             | 36                  | 45          | 170    | -18                 | 17          | 164                      | 160  | 159  | 162  | 167  | 94                        | 95   | 97   | 99   | 104  |
| Vàm Nao                | Vàm Nao      | 250             | 290  | 330   | 149                            | 47                  | 34          | 195    | -4                  | 17          | 191                      | 188  | 188  | 191  | 196  | 153                       | 155  | 156  | 157  | 161  |
| Vĩnh Tế                | Xuân Tô      | 300             | 350  | 400   | 108                            | 12                  | 12          | 110    | 10                  | -17         | 111                      | 112  | 114  | 116  | 118  | 108                       | 109  | 111  | 113  | 115  |
|                        | Vĩnh Gia     | 200             | 240  | 280   | 60                             | 8                   | 7           | 65     | 3                   | 5           | 64                       | 65   | 67   | 69   | 71   | 58                        | 58   | 59   | 61   | 64   |
|                        | Vĩnh Điều    | 170             | 200  | 230   | 60                             | 14                  | 5           | 67     | 2                   | -7          | 66                       | 67   | 69   | 71   | 73   | 58                        | 58   | 59   | 61   | 64   |
| T3                     | Vĩnh Phú     | 150             | 180  | 210   | 57                             | 2                   | -1          | 64     | -1                  | -6          | 63                       | 64   | 66   | 68   | 70   | 55                        | 55   | 56   | 58   | 61   |
| T5                     | Nông Trường  | 160             | 190  | 220   | 64                             | 4                   | 3           | 69     | -1                  | -4          | 68                       | 69   | 71   | 73   | 75   | 62                        | 62   | 63   | 65   | 68   |
| Tri Tôn                | Tri Tôn      | 200             | 240  | 280   | 99                             | 14                  | 8           | 102    | 4                   | 3           | 101                      | 102  | 104  | 106  | 108  | 97                        | 97   | 98   | 100  | 103  |
|                        | Cô Tô        | 140             | 180  | 220   | 100                            | 7                   | 29          | 105    | 5                   | 29          | 104                      | 105  | 107  | 109  | 111  | 98                        | 98   | 99   | 101  | 104  |
|                        | Nam Thái Sơn | 90              | 120  | 150   | 69                             | 0                   | -           | 75     | 0                   | -           | 74                       | 75   | 77   | 79   | 81   | 67                        | 67   | 68   | 70   | 73   |
| Tám Ngàn               | Lò Gạch      | 170             | 210  | 250   | 61                             | 5                   | 4           | 65     | 2                   | 2           | 64                       | 64   | 65   | 67   | 69   | 59                        | 59   | 60   | 62   | 65   |
| Ba Thê                 | Vọng Thê     | 140             | 180  | 220   | 111                            | 10                  | 32          | 116    | 5                   | 29          | 115                      | 116  | 117  | 119  | 121  | 109                       | 109  | 110  | 112  | 113  |
| Núi Chóc Năng Gù       | Vĩnh Hanh    | 190             | 230  | 270   | 144                            | 25                  | 33          | 159    | 5                   | 31          | 158                      | 159  | 160  | 162  | 164  | 142                       | 142  | 143  | 145  | 146  |
| Rạch Giá Long Xuyên    | Núi Sập      | 140             | 180  | 220   | 81                             | -4                  | -7          | 95     | -13                 | -3          | 94                       | 95   | 96   | 98   | 100  | 79                        | 79   | 80   | 82   | 85   |
|                        | Tân Thành    | 120             | 150  | 180   | 81                             | 8                   | 14          | 87     | 1                   | 5           | 86                       | 87   | 88   | 90   | 92   | 79                        | 79   | 80   | 82   | 85   |
| Cái Sắn                | Tân Hiệp     | 90              | 120  | 150   | 62                             | 5                   | 12          | 68     | -5                  | 5           | 67                       | 68   | 69   | 71   | 73   | 60                        | 60   | 61   | 63   | 66   |
| Kiên                   | Rạch Giá     | 70              | 80   | 90    | -3                             | 13                  | 8           | 43     | -2                  | -8          | 45                       | 47   | 48   | 46   | 43   | -1                        | 1    | 2    | -1   | -6   |
| Cái Lớn                | Xẻo Rô       | 80              | 90   | 100   | -16                            | 12                  | 7           | 46     | -11                 | -14         | 50                       | 54   | 60   | 68   | 77   | -18                       | -21  | -27  | -33  | -37  |

## Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





